TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Khổ

2. Ông Nguyễn Công Ý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2026/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 892/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh ngày 12/10/1972; Số căn cước công dân: 052172030216; Nơi cư trú: A M, phường B, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Kiều Hồng H1, sinh ngày 26/10/1968; Số căn cước công dân: 052068018906; Nơi cư trú: A M, phường B, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Kiều Hồng H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 11 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau này ông H1 lộ rõ tính tình cộc cằn, thô bạo, thiếu tinh thần trách nhiệm làm cha, làm chồng, thường xuyên đánh đập vợ con. Bà không dám sống ở nhà, phải đi ở nhờ nhà người thân. Bà và ông H1 đã ly thân hơn một năm nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 03 con chung tên Kiều Hồng H2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992; Kiều Hồng Xuân N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995 và

Kiều Hồng Xuân N1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2002, hiện nay các con đã trưởng thành, sức khoẻ bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2025, bị đơn ông Kiều Hồng H1 gửi cho Toà án có nội dung: Ông không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiều Hồng H1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H1 đang cư trú tại số nhà A M, phường B, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Kiều Hồng H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H1.

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa bà H, ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu ly hôn, ông H1 có văn bản không đồng ý ly hôn nhưng không đến Toà để khai báo. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông H1 không đồng ý ly hôn nhưng không đến Toà khai báo, không đưa ra ý kiến, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng còn bà H kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng vợ chồng thật sự không còn tình cảm, trách nhiệm và sự tôn trọng lẫn nhau. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà H được ly hôn với ông H1.

[4] Về quan hệ con chung: Bà H, ông H1 có 03 con chung tên Kiều Hồng H2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992; Kiều Hồng Xuân N, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1995 và Kiều Hồng Xuân N1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2002, sức khoẻ bình thường. Hiện nay anh H2, chị N, chị N1 đã trưởng thành có cuộc sống riêng; Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Lê Thị H ly hôn ông Kiều Hồng H1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003958 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Bình Định (Số 520/1990);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu